

BẢN TIN HÀNG NGÀY

09 Tháng 10 2025

Vn-Index vượt 1,700 điểm nhờ VHM và nhóm ngân hàng

- Vn-Index duy trì mức tăng tốt trong suốt cả ngày và đóng cửa tăng 18.6 điểm
- Như vậy, Vn-Index đã chính thức vượt mốc kháng cự 1,700 điểm
- VHM VIC VRE đóng vai trò quan trọng đẩy chỉ số, đóng góp tới 9.7 điểm vào mức tăng của Vn-Index, trong đó VHM thậm chí tăng trần
- Nhóm ngân hàng và dầu khí cũng tăng rất tốt, trong đó tăng mạnh nhất là CTG SHB VPB TPB và BSR tăng trần
- 1 số nhóm ngành khác tăng điểm nhẹ là bán lẻ, bất động sản, và điện
- Ngược lại, nhóm chứng khoán giảm mạnh nhất
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng 1.3% so với ngày trước đó

Đồ thị Vn-Index 3 tháng

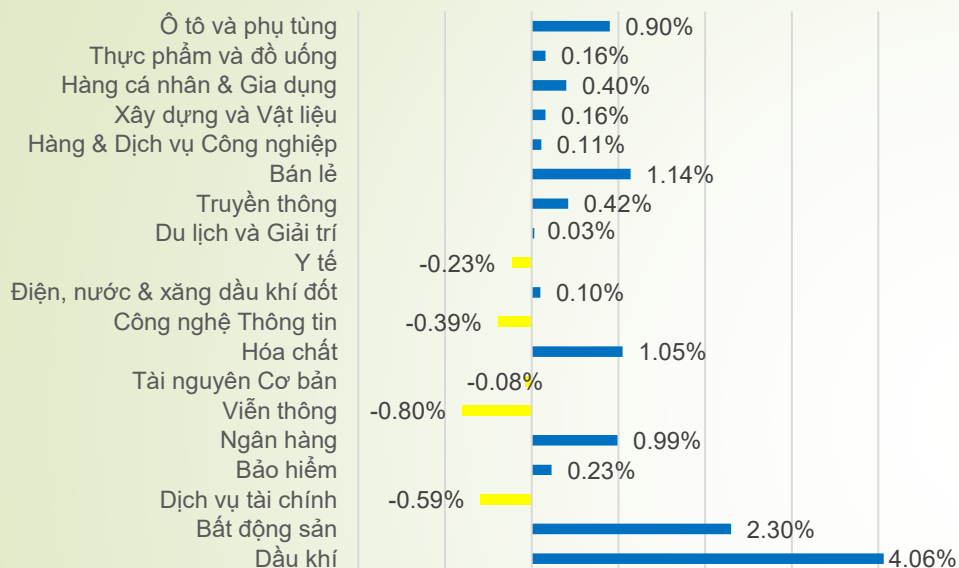


Tổng quan thị trường

	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,716.5	274.9	110.9
(+/-)	18.64	1.6	0.46
(%)	1.10%	0.59%	0.42%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	1,032	63	25
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	31,327	690	397
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(1,674)	(97)	(26)
Số mã tăng	157	64	112
Số mã giảm	146	61	110
Số mã giá không đổi	62	68	95

Nhận định thị trường

Diễn biến nhóm ngành & Chỉ số định giá



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	32.75	1.36
2	Nguyên vật liệu	18.66	1.67
3	Công nghiệp	14.51	2.13
4	Hàng Tiêu dùng	16.34	2.44
5	Dược phẩm và Y tế	16.53	1.62
6	Dịch vụ Tiêu dùng	22.53	4.58
7	Viễn thông	28.76	5.36
8	Tiện ích Cộng đồng	13.81	1.68
9	Tài chính	23.10	2.38
10	Ngân hàng	11.25	1.80
11	Công nghệ Thông tin	18.34	3.76

- Hôm nay, Vn-Index đã chính thức vượt 1,700 điểm với động lực chính từ nhóm Vingroup (VIC VHM VRE) và nhóm ngân hàng
- Đây cũng là 2 nhóm ngành có vốn hóa lớn và có mức tin cậy cao
- Chúng tôi tiếp tục đánh giá Vn-Index đã vượt 1,700 điểm thành công và tiếp tục hướng tới các vùng cao mới
- Ngưỡng kháng cự tiếp theo là vùng 1,800 điểm
- Nhà đầu tư tiếp tục mua vào khi thị trường điều chỉnh
- Nhóm ngành ưa thích của chúng tôi vẫn là: ngân hàng, chứng khoán, thép, và bất động sản

Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu cơ bản		Tiện ích		Hóa chất	
CTG	3.97%	VHM	6.98%	EVF	2.17%	VCF	3.21%	CII	1.96%	NKG	0.28%	POW	1.74%	GVR	2.00%
SHB	3.47%	DIG	5.32%	CTS	0.96%	SBT	2.46%	VGC	1.32%	HSG	0.27%	NT2	1.08%	DCM	1.80%
VPB	3.22%	VRE	4.68%	VDS	0.68%	HAG	2.09%	HHV	0.65%	PTB	-0.21%	PGD	0.83%	DPR	1.08%
EIB	2.88%	VPI	3.02%	TVS	0.54%	ANV	1.40%	BMP	0.49%	ACG	-0.56%	GEG	0.32%	VFG	0.35%
TPB	2.83%	HDC	2.82%	VIX	0.00%	BAF	1.14%	HTI	0.21%	HPG	-0.86%	HNA	0.21%	AAA	0.24%
MBB	1.86%	PDR	2.64%	DSC	0.00%	DBC	1.09%	VCG	0.18%	DHC	-0.87%	PPC	0.00%	DPM	0.00%
VIB	1.75%	DXS	1.69%	BCG	0.00%	MSN	0.61%	CTR	-0.84%			GAS	0.00%	PHR	0.00%
TCB	0.91%	HDG	1.39%	ORS	0.00%	FMC	0.14%	CTD	-0.92%			SHP	0.00%	CSV	-0.32%
BID	0.87%	TCH	1.29%	HCM	-0.55%	VHC	0.00%	PC1	-1.01%			TMP	0.00%	DGC	-0.95%
OCB	0.77%	SIP	1.09%	AGR	-0.56%	MCM	0.00%					PGV	0.00%		
ACB	0.75%	VIC	0.79%	FTS	-0.69%	KDC	-0.19%					TDM	0.00%		
MSB	0.74%	SJS	0.75%	DSE	-1.01%	PAN	-0.64%					VSH	0.00%		
HDB	0.64%	NLG	0.51%	BSI	-1.08%	SAB	-0.76%					CHP	-0.16%		
NAB	0.33%	KDH	0.15%	SSI	-1.33%	VNM	-0.79%					BWE	-0.61%		
STB	0.17%	SZC	0.15%	VND	-1.47%	ASM	-1.57%					REE	-0.62%		
SSB	-0.52%	KOS	0.13%	VCI	-1.83%	BHN	-1.64%								
VCB	-1.24%	NVL	0.00%												
LPB	-1.54%	CRE	0.00%												
		IJC	-0.39%												
		DXG	-0.48%												
		QCG	-0.70%												
		KBC	-0.85%												
		BCM	-1.04%												

Giao dịch khối ngoại

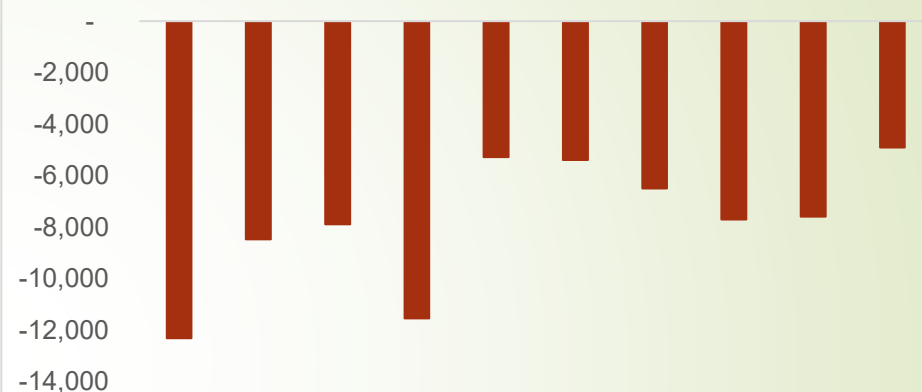
Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	VIC	HOSE	240.59	90.96	149.63
2	TCB	HOSE	160.23	12.33	147.90
3	BSR	HOSE	122.07	12.71	109.37
4	LPB	HOSE	103.22	25.07	78.15
5	GEX	HOSE	120.20	49.54	70.66
6	MWG	HOSE	179.36	119.48	59.88
7	FRT	HOSE	51.22	8.24	42.98
8	VJC	HOSE	20.68	7.95	12.73
9	HAG	HOSE	21.17	9.52	11.65
10	POW	HOSE	10.40	1.40	9.00
11	TAL	HOSE	9.59	1.14	8.46
12	NT2	HOSE	8.37	0.60	7.77
13	FUEVFNVD	HOSE	13.24	6.14	7.10
14	HDG	HOSE	12.43	5.39	7.05
15	THG	HOSE	7.03	-	7.03

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	HPG	HOSE	79.31	295.45	- 216.14
2	SSI	HOSE	108.43	296.37	- 187.94
3	VRE	HOSE	118.03	275.32	- 157.29
4	VHM	HOSE	231.14	381.61	- 150.47
5	VCI	HOSE	2.21	147.64	- 145.43
6	VIX	HOSE	83.51	218.50	- 134.99
7	CTG	HOSE	83.41	217.55	- 134.14
8	VND	HOSE	7.91	137.74	- 129.83
9	STB	HOSE	65.69	145.88	- 80.19
10	MSN	HOSE	280.75	359.69	- 78.93
11	SHS	HNX	0.57	71.30	- 70.74
12	KDH	HOSE	4.58	70.52	- 65.94
13	HDB	HOSE	14.87	78.72	- 63.85
14	VPB	HOSE	63.58	125.90	- 62.32
15	VCB	HOSE	20.64	64.88	- 44.24

Cập nhật vĩ mô

Sau nâng hạng FTSE, Thủ tướng yêu cầu triển khai cơ chế CCP và nói room cho nhà đầu tư nước ngoài

Việt Nam chính thức được FTSE Russell nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp. Thủ tướng Phạm Minh Chính yêu cầu các bộ, ngành khẩn trương triển khai đồng bộ các giải pháp để duy trì đà phát triển và nâng cao vị thế thị trường chứng khoán Việt Nam.

Sóng hạ tầng lớn được kỳ vọng mở đường cho chu kỳ phục hồi của bất động sản

Việt Nam đang chứng kiến làn sóng đầu tư công mạnh mẽ nhất trong nhiều năm qua, sau sự kiện hàng loạt dự án hạ tầng giao thông, đô thị quy mô hàng trăm nghìn tỷ đồng được khởi công đồng loạt.

Thặng dư thương mại 9 tháng giảm 20,4% so với cùng kỳ

Trong tháng 9, trị giá xuất khẩu đạt 42,67 tỷ USD, giảm 1,7% (tương ứng giảm 716 triệu USD) và trị giá nhập khẩu đạt 39,82 tỷ USD, tăng 0,4% (tương ứng tăng 155 triệu USD).

	Hôm nay	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	66.00	1.54%	1.54%	-12.00%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	62.00	0.00%	0.00%	-13.89%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,033.00	1.41%	4.27%	52.71%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,130	-0.01%	-0.19%	3.27%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,386	-0.01%	-0.19%	3.27%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,930	1.18%	1.18%	4.18%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	4.68%	0.32%	0.30%	0.64%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	2.87%	0.02%	0.01%	0.75%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	2.99%	0.01%	0.01%	0.82%

Bản tin doanh nghiệp



Vint

Hòa Phát đạt sản lượng bán 7,4 triệu tấn thép sau 9 tháng

Quý 3/2025, tập đoàn Hòa Phát sản xuất 2,8 triệu tấn thép thô, tăng 14% so với quý 2 và tăng 35% so với cùng kỳ 2024. Sản lượng bán hàng thép cuộn cán nóng (HRC), thép xây dựng, thép chất lượng cao và phôi thép đạt 2,5 triệu tấn, giảm 4% so với quý trước và tăng 21% so với cùng kỳ năm 2024.



VIX tăng tốc cho vay ký quỹ, lợi nhuận quý III cao kỷ lục hơn 2.400 tỷ đồng

Doanh thu hoạt động đạt 3.222 tỷ đồng, gấp gần sáu lần so với mức 554 tỷ đồng cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 3.048 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận sau thuế ghi nhận 2.449 tỷ đồng, gấp hơn 9 lần cùng kỳ.



Việt Nam có thể áp thuế thép khổng lồ từ Trung Quốc vào quý I/2026, Hòa Phát, Formosa hưởng lợi lớn

Nửa đầu năm 2025, nhập khẩu HRC khổng lồ từ Trung Quốc vào Việt Nam tăng đột biến 15 lần, Hòa Phát và Formosa đã chính thức gửi yêu cầu điều tra.

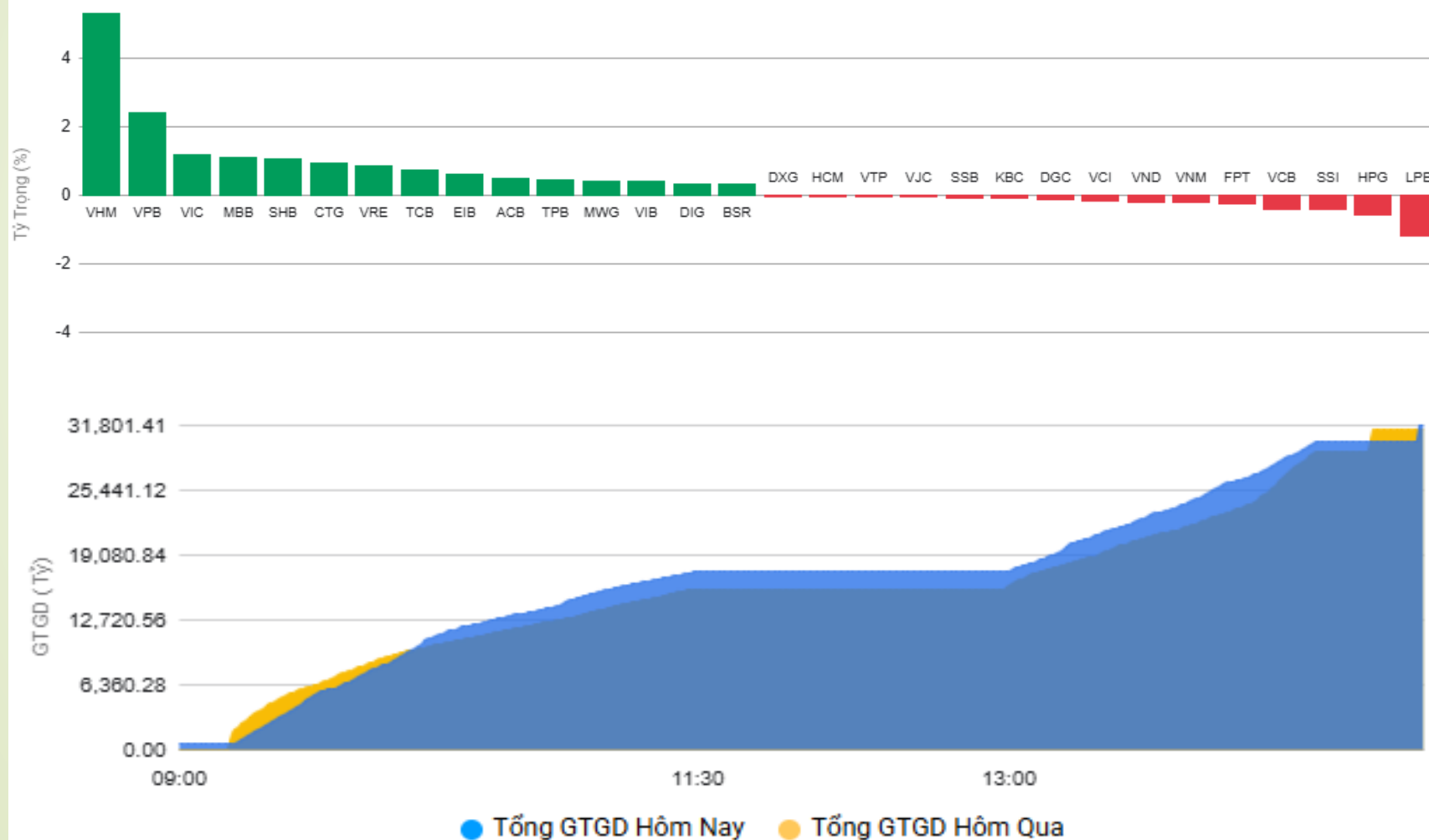
Lịch sự kiện

Mã	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
VOS	09/19/2025	09/18/2025	10/10/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	11.00%	1,100
GEX	09/11/2025	09/10/2025	10/10/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8.00%	800
SHP	10/02/2025	10/01/2025	10/14/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
NET	10/02/2025	10/01/2025	10/15/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	65.00%	6,500
VHC	09/30/2025	09/29/2025	10/15/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
CTR	10/01/2025	09/30/2025	10/15/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	21.50%	2,150
SSI	09/26/2025	09/25/2025	10/15/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
TA9	09/25/2025	09/24/2025	10/16/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14.16%	1,416
DMC	09/12/2025	09/11/2025	10/16/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25.00%	2,500
PVD	10/01/2025	09/30/2025	10/17/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
HAT	09/17/2025	09/16/2025	10/17/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30.00%	3,000
HT1	09/15/2025	09/12/2025	10/17/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	1.00%	100
NST	09/16/2025	09/15/2025	10/17/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.50%	1,050
CSV	06/20/2025	06/19/2025	10/17/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
CTD	09/19/2025	09/18/2025	10/20/2025	Họp hội đồng cổ đông		
MCP	07/31/2025	07/30/2025	10/20/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.00%	400
PVI	10/02/2025	10/01/2025	10/22/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	31.50%	3,150
TCB	10/01/2025	09/30/2025	10/22/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
VTP	10/06/2025	10/03/2025	10/22/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.81%	1,081
DIH	09/26/2025	09/25/2025	10/22/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
HCC	09/23/2025	09/22/2025	10/22/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
TV3	07/17/2025	07/16/2025	10/22/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá	Khuyến nghị	Giá CP tại thời điểm báo cáo	Giá mục tiêu	Giá mục tiêu (điều chỉnh)	Giá hiện tại (09/10/2025)	%	Đường dẫn báo cáo
VPB	20/5/2024	MUA	19,800	23,100	27,300	32,100	-15.0%	Link
TPB	1/7/2024	MUA	17,350	22,800	22,700	20,000	13.5%	Link
TCB	12/8/2024	MUA	21,250	26,300	32,200	38,950	-17.3%	Link
MBB	29/8/2024	MUA	24,850	30,400	28,500	27,350	4.2%	Link
ACB	23/9/2024	MUA	25,650	28,800	31,500	26,950	16.9%	Link
HDB	15/10/2024	KHẢ QUAN	27,150	30,200	35,300	31,650	11.5%	Link
CTG	28/11/2024	KHẢ QUAN	35,150	38,600	51,100	55,000	-7.1%	Link
VCB	24/2/2025	MUA	93,100	108,400	70,800	63,800	11.0%	Link
BID	20/3/2025	MUA	39,800	46,900	46,900	40,800	15.0%	Link
HPG	13/01/2025	MUA	25,900	33,800	31,500	28,950	8.8%	Link
HSG	14/02/2025	KHẢ QUAN	16,650	17,990	19,000	18,850	0.8%	Link
NKG	7/3/2025	KHẢ QUAN	16,100	17,380	16,600	17,750	-6.5%	Link
NLG	30/9/2024	MUA	41,550	48,500	48,500	39,100	24.0%	Link
KDH	23/10/2024	MUA	33,300	42,400	38,545	32,450	18.8%	Link
DXG	15/11/2024	MUA	16,150	18,800	20,800	20,550	1.2%	Link
DXS	15/1/2025	KHẢ QUAN	6,500	7,000	12,000	12,000	0.0%	Link
KBC	22/1/2025	MUA	28,950	36,000	36,000	34,950	3.0%	Link
VRE	21/3/2025	MUA	18,450	22,500	30,000	38,000	-21.1%	Link
HAH	31/3/2025	KHẢ QUAN	52,800	60,180	65,900	54,900	20.0%	Link
VHM	29/4/2025	KHẢ QUAN	58,400	66,100	87,200	115,000	-24.2%	Link
STB	14/5/2025	MUA	40,000	47,500	50,500	60,000	-15.8%	Link
GMD	27/5/2025	KHẢ QUAN	59,500	63,600	60,200	67,300	-10.5%	Link
HDC	5/6/2025	MUA	26,000	30,200	30,200	36,500	-17.3%	Link
VSC	18/06/2025	KHẢ QUAN	16,550	17,700	23,800	26,850	-11.4%	Link
PDR	30/6/025	KHẢ QUAN	18,050	20,200	18,704	23,300	-19.7%	Link
PVT	17/7/2025	KHẢ QUAN	18,100	19,900	19,900	18,050	10.2%	Link
BCM	4/8/2025	MUA	71,000	83,000	83,000	66,300	25.2%	Link
VCG	29/8/2025	MUA	25,550	30,000	30,000	27,750	8.1%	Link
CTD	24/9/2025	MUA	81,900	94400	94,400	86,000	9.8%	Link

**Trụ sở chính**

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, HN

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, HCM

Hotline: 0283.838.5917

Fax: 0283.620.0887

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.